

TỔNG CỤC THỂ DỤC
THỂ THAO
Số: 456/QĐ-TDĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH
CỦA TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỂ DỤC THỂ THAO
Về việc ban hành quy định
quản lý công tác quan hệ quốc tế trong ngành TDĐT

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỂ DỤC THỂ THAO

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 2 tháng 3 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 11/CP ngày 28/11/1992 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục TDĐT;

Căn cứ Nghị định số 24/CP ngày 24/3/1995 của Chính phủ về việc xuất nhập cảnh;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ quan hệ quốc tế;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành "Quy định quản lý công tác quan hệ quốc tế trong ngành Thể dục Thể thao" kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các văn bản trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ.

Điều 3: Các thủ trưởng Vụ, đơn vị thuộc Tổng cục Thể dục Thể thao, Giám đốc Sở Thể dục Thể thao, Sở Văn hoá - Thông tin - Thể thao các tỉnh, thành phố, cơ quan Thể dục Thể thao các ngành, thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ CÔNG TÁC QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG NGÀNH TDĐT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 456/QĐ-TĐT ngày 24/6/1996

của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục Thể thao)

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích công tác quan hệ quốc tế

1.1. Tăng cường, mở rộng quan hệ quốc tế về thể dục thể thao trong thời kỳ đổi mới, góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

1.2. Thông qua giao lưu, học tập để tăng cường năng lực, tiềm lực của thể dục thể thao nước ta, góp phần xây dựng và phát triển sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong ngành Thể dục Thể thao, đặc biệt là thể thao thành tích cao.

Điều 2: Nội dung công tác quan hệ quốc tế:

2.1. Thi đấu, biểu diễn tài nghệ thể thao, tập huấn, đào tạo vận động viên Việt Nam tại nước ngoài và vận động viên nước ngoài tại Việt Nam.

2.2. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ; trao đổi chuyên gia, huấn luyện viên, sinh viên với nước ngoài.

2.3. Tham quan, khảo sát, học tập, trao đổi kinh nghiệm giữa Việt Nam và nước ngoài.

2.4. Đăng cai, tổ chức các cuộc thi đấu, hội thảo, hội nghị quốc tế ở trong nước; Tham gia các hoạt động thi đấu, hội thảo, hội nghị ở nước ngoài; Cử người tham gia các tổ chức thể thao, các tổ chức khoa học thể dục thể thao quốc tế và khu vực.

2.5. Ký kết, triển khai các hiệp định, văn bản thoả thuận hợp tác thể dục thể thao giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với nước ngoài.

2.6. Hợp đồng sản xuất, kinh doanh về thể dục thể thao. Hợp đồng tài trợ, quảng cáo, liên doanh, liên kết sản xuất trao đổi các trang thiết bị thể dục thể thao, trao đổi chuyên gia, kỹ thuật viên thiết kế, xây dựng các công trình thể thao.

Điều 3: Đối tượng thực hiện quy định này gồm các tổ chức Nhà nước, xã hội, cá nhân tham gia hoạt động thể dục thể thao trong và ngoài nước.

Điều 4: Phân cấp trách nhiệm quản lý công tác quan hệ quốc tế:

4.1. Tổng cục Thể dục Thể thao thống nhất quản lý, giám sát, kiểm tra công tác quan hệ quốc tế về thể dục thể thao của các cơ quan quản lý thể dục thể thao cấp tỉnh, thành, ngành, các tổ

chức xã hội thể dục thể thao cấp quốc gia bao gồm: Ủy ban Olympic Việt Nam, các Liên đoàn, Hội thể thao quốc gia, Hội thể thao các ngành.

4.2. Các Sở Thể dục Thể thao, Sở Văn hoá - Thông tin - Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan quản lý Thể dục Thể thao các Bộ, ngành:

4.2.1. Chịu sự quản lý, giám sát, kiểm tra về công tác quan hệ quốc tế của Tổng cục Thể dục Thể thao; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành đối với cấp tỉnh, thành và lãnh đạo Bộ đối với cấp ngành.

4.2.2. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, lãnh đạo Bộ, ngành và Tổng cục Thể dục Thể thao về hoạt động quan hệ quốc tế của các Hội, Liên đoàn thể thao địa phương, ngành, thường xuyên giám sát, kiểm tra hoạt động đối ngoại của các Hội, Liên đoàn này.

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5: Trách nhiệm của Sở Thể dục Thể thao, Sở Văn hoá - Thông tin - Thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan quản lý thể dục thể thao cấp ngành:

5.1. Nội dung văn bản hợp tác thể dục thể thao giữa các tỉnh, thành, ngành với nước ngoài sau khi có sự thoả thuận của các cấp có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân tỉnh, thành; lãnh đạo ngành và Tổng cục Thể dục Thể thao) mới được thảo luận với các đối tác nước ngoài và tiến hành ký kết.

5.2. Đăng ký với Tổng cục Thể dục Thể thao kế hoạch quan hệ quốc tế của năm sau vào tháng 10 năm trước. Trường hợp có kế hoạch đột xuất ngoài kế hoạch quan hệ quốc tế hàng năm đều phải được sự thoả thuận của Tổng cục Thể dục Thể thao trước khi thực hiện.

5.3. Các Sở Thể dục Thể thao, Sở Văn hoá - Thông tin - Thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan Thể dục Thể thao các ngành trước khi cử đoàn ra, đón đoàn vào phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành hoặc lãnh đạo ngành và Tổng cục Thể dục Thể thao.

5.4. Chịu trách nhiệm quản lý người nước ngoài vào Việt Nam làm việc với cơ quan đơn vị mình.